

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY ĐẠI CHỨNG
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Năm báo cáo: 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0200493225 do Sở KH&ĐT thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/07/2021 (thay đổi lần 8).
- Vốn điều lệ: 5.000 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.317,55 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022).
- Địa chỉ: Thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225. 3775.161.
- Fax: 0225.3775.162.
- Website: <http://www.ndhp.com.vn>.
- Mã cổ phiếu: HND.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Thực hiện chủ trương thay đổi cơ chế quản lý kinh tế của các công ty, doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có các công ty phát điện. Ngày 30/7/2002, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 129/TB-VPCP nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho phép thành lập Công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp Nhà nước để đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.
- Tháng 9/2002, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản, Tổng Công ty Bảo Việt, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã đi đến thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng để đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện.
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập ngày 17/9/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gồm 05 cổ đông sáng lập, với tổng vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng của các đơn vị góp vốn:
 - + Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 77,5%.
 - + Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: 10%.
 - + Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam: 2,5%.

- + Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex): 5%.
- + Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama): 5%.
- Thực hiện tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 (Quy hoạch điện V), bù đắp sự thiếu hụt công suất của hệ thống điện tại khu vực phía Bắc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng theo Quyết định số 1186/QĐ-TTg ngày 13/12/2002, đồng thời, Công ty tiếp tục được Thủ tướng giao làm chủ đầu tư Dự án Nhiệt điện Hải Phòng 2 theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005.
- Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, ngày 09/01/2008, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được tổ chức tại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:
 - + Vốn điều lệ đã đăng ký: 3.000.000.000.000 đồng
 - + Vốn điều lệ thay đổi: 5.000.000.000.000 đồng
 - + Thời điểm thay đổi vốn: Tháng 2/2008
 - + Mục đích thay đổi vốn: Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.
 - + Hình thức tăng vốn: Các cổ đông góp vốn bổ sung.
- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 138/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2012 về việc thành lập các Tổng công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ngày 01/6/2012 Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3024/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO 2). Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là doanh nghiệp do EVNGENCO 2 nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trở thành Công ty đại chúng được UBCKNN chấp thuận tại văn bản số 716/UB-QLPH ngày 24/02/2014.
- Ngày 05/10/2016, Cổ phiếu của Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu HND.

3. Ngành nghề kinh doanh:

a. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chi tiết: Sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện.

b. Xây dựng công trình công ích.

Chi tiết: Thi công, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo đường dây và trạm biến áp đến 220KV.

c. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện.

d. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

e. Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng miếng).

f. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

h. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.

i. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

j. Sửa chữa máy móc, thiết bị.

k. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.

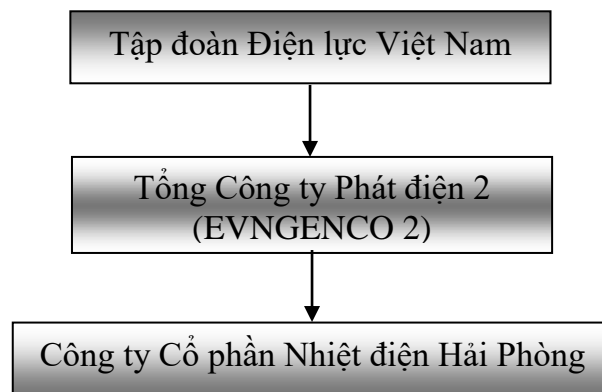
l. Sửa chữa thiết bị điện.

m. Giáo dục nghề nghiệp.

Chi tiết: Đào tạo dạy nghề quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu tổ chức theo cấp quản lý:



Ngày 28/12/2012, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Biên bản bàn giao điều hành cho EVNGENCO 2. Theo đó, từ ngày 01/01/2013, EVNGENCO 2 có quyền điều hành đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết thuộc EVNGENCO 2, trong đó có Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Một số thông tin giới thiệu về Tổng Công ty Phát điện 2:

+ Tên gọi tiếng Việt: Tổng Công ty Phát điện 2.

+ Tên giao dịch tiếng Anh: POWER GENERATION CORPORATION 2.

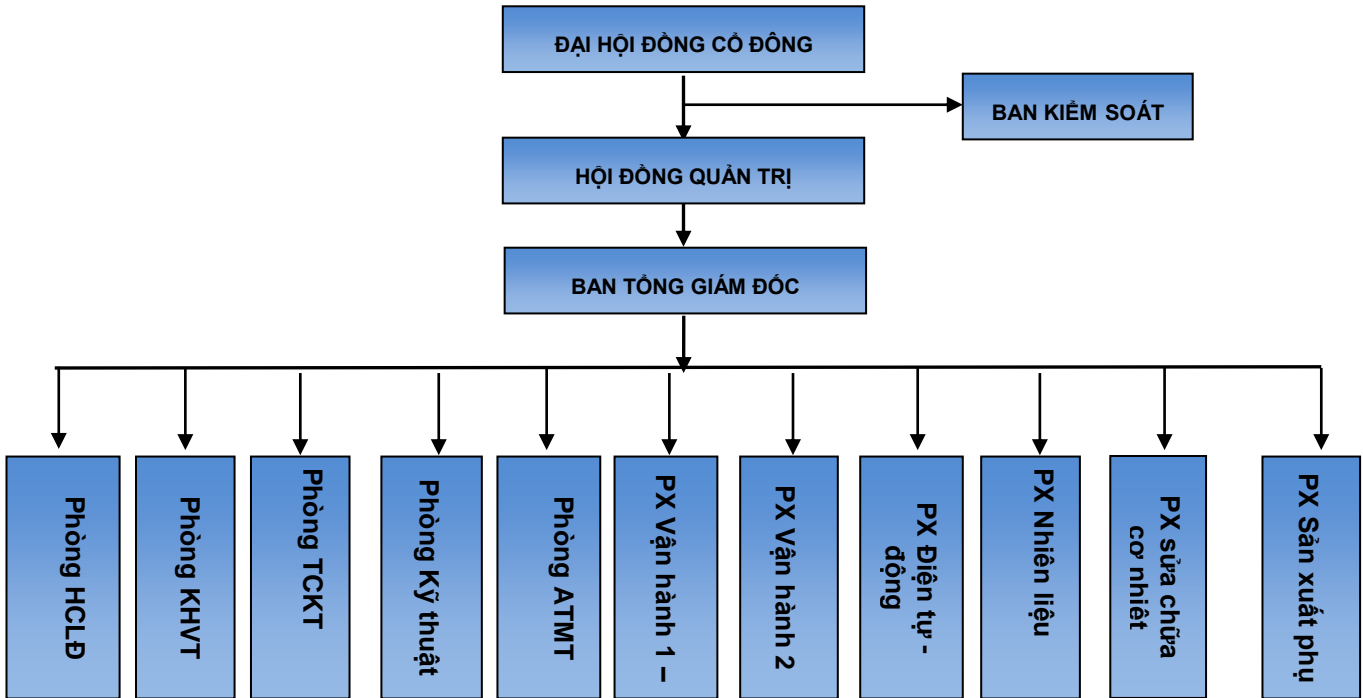
+ Tên viết tắt bằng tiếng Anh: EVNGENCO 2.

+ Vốn điều lệ: 10.677 tỷ đồng.

+ Trụ sở chính: Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Giấy Chứng nhận ĐKKD số 1800590430 do Sở KH&ĐT TP.Cần Thơ cấp ngày 19/11/2012.

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý đến ngày 31/12/2022:



5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
 - Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và hiệu quả, cung ứng điện cho nền kinh tế hàng năm từ 6-7,5 tỷ kWh.
 - Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
 - Đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững.
 - Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho người lao động.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
 - Duy trì các tổ máy phát điện an toàn, hiệu quả và đảm bảo môi trường.
 - Sửa chữa, bảo dưỡng nhằm duy trì phát điện ổn định các tổ máy.
 - Đảm bảo cố tức cho các cổ đông.
 - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hiện đại.
 - Xây dựng các định mức chi phí, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.
 - Tiết kiệm chi phí.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 - Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, đảm bảo môi trường thân thiện.
 - Tham gia và ủng hộ tích cực các hoạt động của xã hội của cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với Nhiệt điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với thủy điện, giữa các nhà máy nhiệt điện và các nhà máy điện mặt trời, gió.
- Các vật tư sửa chữa chủ yếu vẫn phải nhập khẩu do vậy tác động tỷ giá tăng ảnh hưởng đến chi phí.
- Do chủng loại than đã có nhiều thay đổi so với thiết kế ban đầu, cộng với nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào tăng làm tăng suất tiêu hao nhiệt các tổ máy.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, chuyển đổi số trong bối cảnh khó khăn do tác động sâu rộng của đại dịch COVID-19, ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khách quan về giá cả vật tư thiết bị, nguyên nhiên liệu tăng cao, tỷ giá hối đoái biến động... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, Công ty đã vận hành ổn định hai nhà máy, theo đó tổng sản lượng điện sản xuất của hai nhà máy đạt 6.718,24 tỷ kWh, đạt 89,2% kế hoạch giao.

Doanh thu đạt 99,9% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 575,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 546,8 tỷ đồng.

Lũy kế sản lượng điện phát của Công ty đến hết 15/3/2023 đạt 68,57 tỷ kWh.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022		
		Kế hoạch theo ĐHĐCĐ	Thực hiện	Tỷ lệ % so KH
1. SLĐ sản xuất (tr.kW)	7.323,14	7.534,00	6.718,24	89,17
2. SLĐ thương phẩm (tr.kW)	6.652,86	6.833,33	6.097,27	89,23
3. Tổng doanh thu	9.106.615	10.574.753	10.566.591	99,9
- Doanh thu SXKD điện (tr.đồng)	9.026.540	10.555.721	10.511.191	99,6
- Doanh thu Hoạt động tài chính (tr. đồng)	75.103	15.000	23.615	157,4
- Doanh thu khác (tr. đồng)	4.973	4.032	31.785	788,4
4. Tổng chi phí (tr. đồng)	8.626.958	9.978.412	9.990.988	100,1
- Chi phí SXKD điện (tr.đồng)	8.621.131	9.973.299	9.915.832	99,4
- Chi phí Hoạt động tài chính (tr. đồng)	0	-	69.420	
- Chi phí khác (tr. đồng)	5.826	5.113	5.735	112,2
5. Lãi/Lỗ trước thuế (tr.đồng)	479.658	596.341	575.603	96,5
- SXKD điện (tr.đồng)	405.408	582.423	595.359	102,2
- Hoạt động tài chính	75.103	15.000	-45.805	-305,4
- Khác (tr. đồng)	-853	-1.082	26.049	2408,3
6. Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	455.432	566.524	546.793	96,5

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành và Cán bộ quản lý Công ty đến ngày 31/12/2022:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	
2.	Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT chuyên trách	
3.	Nguyễn Xuân Đăng	Thành viên HĐQT chuyên trách	
4.	Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc	
5.	Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc	
6.	Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
7.	Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc	
8.	Phạm Quốc Toàn	Kế toán trưởng	
9.	Bùi Thu Trang	Phó Phòng Tài chính Kế toán	
10.	Cao Xuân Nhường	Trưởng phòng HCLĐ	
11.	Nguyễn Huy Đông	Phó phòng HCLĐ	
12.	Nguyễn Kim Thịnh	Phó phòng HCLĐ	
13.	Đào Văn Kiên	Phó phòng HCLĐ	
14.	Đặng Anh Huy	Trưởng phòng KHVT	
15.	Trần Thanh Huy	Phó phòng KHVT	
16.	Vũ Đình Kiên	Phó phòng KHVT	
17.	Đỗ Ngọc Hình	Trưởng phòng Kỹ thuật	
18.	Nguyễn Việt Anh	Phó phòng Kỹ thuật	
19.	Trần Đức Văn	Phó phòng Kỹ thuật	
20.	Trần Hồng Vương	Trưởng phòng ATMT	
21.	Cao Bắc Ninh	Phó phòng ATMT	
22.	Phạm Văn Luân	Quản đốc PX. Vận hành 1	
23.	Hoàng Đức Thân	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
24.	Đào Gia Hòai	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
25.	Trần Văn Tiến	Quản đốc PX. Điện - Tự động	
26.	Mai Ngọc Thành	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
27.	Trần Quang Trung	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
28.	Ngô Hồng Phong	Quản đốc PX. Nhiên liệu	
29.	Hồ Văn Thuận	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
30.	Tống Hồng Tuấn	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
31.	Vũ Xuân Tiệp	Quản đốc PX.SCCN	
32.	Mạc Văn Bắc	Phó Quản đốc PX.SCCN	
33.	Nguyễn Quốc Việt	Phó Quản đốc PX.SCCN	

- Chức danh hiện tại: Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Sinh ngày: 22/4/1974

- Quê quán: Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Địa chỉ thường trú: 11-12B, Block A3, ERA TOWN, Đường 15B, phường Phú Mỹ, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh IELTS 6.0.

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp .

- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 14/02/2011. Ngày chính thức: 14/02/2012.

- **Quá trình công tác:**

- ✓ Từ 7/1996 đến 7/1997: Kỹ sư thiết kế trạm điện, Công ty TNHH MAPRO TP HCM
- ✓ Từ 8/1997 đến 6/1999: Trưởng ca tập sự, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 7/1999 đến 3/2004: Trưởng ca, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 4/2004 đến 9/2008: Phó Quản đốc, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 10/2008 đến 2/2009: Phó phòng Kỹ thuật, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 3/2009 đến 11/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 12/2009 đến 4/2017: Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 5/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 5/2017 đến 11/2020: Tổng Giám đốc, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 12/2020 đến nay: Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

3) Ông Dương Sơn Bá

- Họ và tên khai sinh: Dương Sơn Bá

- Sinh ngày: 20/01/1968

- Chức danh hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Quê quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt điện, Đại học Bách khoa Hà Nội, hệ chính quy; Cử nhân QTKD, Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp tháng 6/2012.

- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.

- Trình độ lý luận: Cao cấp.

- Ngày vào Đảng: ngày 19/4/2002, Ngày chính thức: 19/4/2003.

- **Quá trình công tác:**

- ✓ Từ tháng 4/1994 - 9/1998: Kỹ sư Nhà máy điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc.
- ✓ Từ 10/1998 - 4/2000: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban QLDA Phả Lại 2.

- ✓ Từ 5/2000 - 10/2001: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban CBSX, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2.
- ✓ Từ 11/2001 - 10/2002: Kỹ thuật viên Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/2002 - 8/2006: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 9/2006 - 5/2009: Phó phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 5/2009 - 9/2009: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 10/2009 - 11/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 11/2013 - 03/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 04/2021-06/2021: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 07/2021 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

4) Ông Nguyễn Xuân Đặng

- Sinh ngày: 14/08/1963. Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 030063002248
- Ngày cấp/Date of issue 12/8/2021 Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công An.

- Quê quán: Cổ Bi – Bình Giang – Hải Dương
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Cử nhân quản trị kinh doanh
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp LLCT
- **Quá trình công tác:**

- ✓ Từ 01/01/2007 - 31/08/2007: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng
- ✓ Từ 01/09/2007 - 31/01/2009: Phó Trưởng phòng Đèn bù giải phóng mặt bằng, Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng
- ✓ Từ 01/02/2009 - 30/11/2016: Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu, Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng
- ✓ Từ 01/12/2016 - 23/06/2022: Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ **Từ 24/06/2022 – nay: Thành viên HĐQT chuyên trách**

5) Ông Trần Xuân Trường:

- Họ và tên khai sinh: Trần Xuân Trường Sinh ngày: 22/03/1976
- Quê quán: Tây Đô, Hưng Hà, Thái Bình
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ nhiệt, Cử nhân quản trị doanh nghiệp.
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- **Quá trình công tác:**

- ✓ Từ 01/10/2008 - 30/04/2010: Kỹ sư Phân xưởng Vận hành 1, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 01/05/2010 - 05/01/2014: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 1, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 06/01/2014 - 05/01/2017: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 24/07/2014 - 14/01/2022: Quản đốc Phân xưởng Vận hành 1, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- Từ 15/01/2022 – nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.

6) Ông Lê Anh Tân:

- Họ và tên khai sinh: Lê Anh Tân Sinh ngày: 14/7/1978
- Quê quán: Lê Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.
- Nơi ở hiện nay: P.508-C4 khu tập thể Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sỹ QTKD, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp năm 2011.
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: Anh văn C
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 06/3/2017. Ngày chính thức: 06/3/2018.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 9/2002 - 8/2003: Kỹ sư vận hành hệ thống điều khiển tự động tại Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Từ 9/2003 - 10/2016: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Công nghệ thông tin - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Từ 16/10/2016 - 30/6/2020: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Văn thư lưu trữ, Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Từ 01/7/2020 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

7) Ông Nguyễn Minh Thành:

- Họ và tên: Nguyễn Minh Thành Sinh ngày: 16/12/1982
- Quê quán: Tiên Phong, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hệ chính quy).
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 26/7/2012. Ngày chính thức: 15/8/2013.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 8/2004 - 7/2009: Kiểm toán viên Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- ✓ Từ 8/2009 - 4/2010: Kế toán viên, Kế toán viên Phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

- ✓ Từ 5/2010 - 10/2013: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 11/2013 - 10/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 10/2019 - 10/2020: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ 10/2020 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
 - Số lượng CBCNV tính đến 31/12/2022: 844 người.
 - Chế độ chính sách đối với người lao động:
- + Chính sách tiền lương: Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, đảm bảo hài hòa các lợi ích của Công ty và người lao động.
- + Tiền lương bình quân người lao động năm 2022 là: 25,03 triệu đồng/người/tháng.
 - Quản trị nguồn nhân lực:
- + Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại một số cán bộ lãnh đạo quản lý; khuyến khích áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bố trí nhân lực làm việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn; luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
 - Chính sách khác:
- + Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...
 - Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:
 - + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất; thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc cho nghỉ công tác để đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước.
 - + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Người lao động được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết.
 - + Thực hiện một số chế độ khác có lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2022, Công ty tổ chức triển khai thực hiện đầu tư 02 Dự án:

- Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1 và 2.
- Dự án: Xây dựng nhà hành chính tại nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty tham gia góp vốn vào Công ty dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc (NPS) với tổng số cổ phần là 50.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần), tương đương với tỷ lệ sở hữu: 0,417%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2021 (tr. Đồng)	Năm 2022 (tr. Đồng)	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	8.701.924	8.220.793	94,5
Doanh thu thuần	9.026.540	10.511.191	116,4
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	480.511	549.554	114,4
Lợi nhuận khác	-853	26.049	3053,8
Lợi nhuận trước thuế	479.658	575.603	120,0
Lợi nhuận sau thuế	455.432	546.793	120,1
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	8%	9,85%	123,1

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,23	2,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,81	1,96	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,23	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,40	0,30	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	12,8	20,1	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,04	1,28	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,050	0,052	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,073	0,087	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,052	0,067	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,053	0,052	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 500.000.000 cổ phần (Năm trăm triệu cổ phần).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- b) Cơ cấu cổ đông: Căn cứ sổ cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chốt đến ngày 21/7/2022, cơ cấu cổ đông như sau:
 - Theo tỷ lệ sở hữu: Cổ đông (4 nhà đầu tư) sở hữu từ 5% cổ phần trở lên, chiếm 93,18%. Cổ đông (1724 nhà đầu tư) sở hữu cổ phần dưới 5% chiếm 6,82%.
 - Theo tổ chức: 20 cổ đông là tổ chức và 1708 cổ đông cá nhân. Trong đó có 20 cổ đông nước ngoài.
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc kiểm kê khí nhà kính theo đúng quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ về quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì tổ máy vận hành đạt hiệu suất cao, tối ưu hóa nhiên liệu than đầu vào.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
 - Than: 3,27 triệu tấn.
 - Dầu FO: 10.807 tấn.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng điện sử dụng lấy từ hệ thống điện tự dùng của Nhà máy khi tổ máy đang phát điện hoặc mua điện từ lưới trong trường hợp ngừng dự phòng, sửa chữa.
 - Điện lấy từ hệ thống tự dùng nhà máy: 620,97 triệu kWh.
 - Điện lấy từ lưới điện: 13,78 triệu kWh.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 28,3 trkWh so với phương án giá điện (Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành giảm điện tự dùng: hiệu chỉnh tối ưu hóa năng suất hệ thống nghiền than, vận hành hợp lý các bơm tuần hoàn theo mùa; Các giải pháp giảm suất hao nhiệt nhà máy, tiết kiệm than/dầu: Kiểm soát chất lượng than; Thí nghiệm Hiệu chỉnh định kỳ Lò hơi, tối ưu chế độ cháy của lò, giảm tổn thất trong chu trình nhiệt; Tăng hiệu quả trao đổi nhiệt của bình ngưng; Tăng cường quản lý, giám sát công tác sửa chữa bảo dưỡng;

Trong quá trình tổ máy vận hành đặc biệt tăng cường giám sát, kiểm tra và xử lý các khiếm khuyết ảnh hưởng đến tồn tất chu trình).

6.4 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước từ hồ Đà Nẵng, lượng nước khoảng 9,80 triệu m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước tái sử dụng (dùng nước thải để thải xỉ) chiếm tỷ lệ 37%, khoảng 3,62 triệu m³/năm.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân: 846 lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 25,03 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- *Chính sách lương*: Công ty đã ban hành lại Quy chế về công tác lao động và tiền lương đảm bảo phân phối thu nhập công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Việc chi trả lương được thực hiện theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

- *Chính sách thưởng*: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Công ty tổ chức bình bầu hàng quý để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng xét thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí. Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13.

- *Phúc lợi*: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì phong trào văn hóa, thể dục, thể thao phù hợp với tình hình dịch bệnh.

c) Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+ Tổng số giờ đào tạo: 3874 giờ.

+ Lượt người được đào tạo: 2249 lượt người.

+ Số giờ đào tạo trung bình: 1,72 giờ/người.

- Công tác đào tạo năm 2022 được Công ty tập trung vào các nội dung liên quan đến chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của đơn vị; đào tạo CBQL theo chương trình của EVN và EVNGENCO2; Tổ chức bồi huấn, đào tạo kỹ năng, tay nghề cho đội ngũ công nhân viên trực tiếp dựa trên khung chương trình đào tạo do EVN ban hành.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Năm 2022, Công ty tích cực tham gia thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn TP. Hải Phòng và các địa phương khác như ủng hộ Quỹ vì người nghèo, xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ các đơn vị dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ... và rất nhiều các hoạt động khác với tổng số tiền là 2,9 tỷ đồng.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh của UBCKNN: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, chuyển đổi số trong bối cảnh khó khăn do tác động sâu rộng của đại dịch COVID-19, ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khách quan về giá cả vật tư thiết bị, nguyên nhiên liệu tăng cao, tỷ giá hối đoái biến động... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, việc triển khai kế hoạch sửa chữa lớn gặp khó khăn trong công tác lựa chọn nhà thầu, phải điều chỉnh lùi lịch đại tu tổ máy số 4 thêm 02 tháng. Đó là những nguyên nhân hệ thống hạn chế huy động các tổ máy nhiệt điện than.

Năm 2022, theo kế hoạch sản xuất Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được giao tổng sản lượng điện sản xuất là 7,534 tỷ kWh.

Về sản lượng điện sản xuất hai nhà máy đạt 6,718,24 tỷ kWh đạt 89,17% kế hoạch giao.

Về đầu tư xây dựng:

- Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2: Đang tạm dừng và đợi cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn môi trường mới.
- Dự án xây dựng đơn nguyên nhà hành chính tại NMNĐ Hải Phòng 2: Đang triển khai thực hiện, hiện đang hiệu chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng nhà hành chính Hải Phòng 2.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Công ty đã sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh, bộ máy gọn nhẹ và năng động, nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường chú trọng hoàn thiện các Quy chế, Quy định trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty, công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả cao.

- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng cao, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với công ty.
- Tăng cường công tác tự kiểm soát và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng...
- Duy trì việc chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, trong đó có máy móc và thiết bị. Các tài sản đều tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty. Tổng tài sản của Công ty giảm so với đầu năm là 481,1 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguyên nhân tăng/giảm của các chỉ tiêu tăng/giảm từ 10% trở lên và các trường hợp đặc biệt khác (trong đó tăng do đầu tư, mua sắm...): tài sản dài hạn giảm 861 tỷ đồng, trong đó, giá trị còn lại của tài sản cố định giảm 913 tỷ đồng do khấu hao trong năm. Tài sản dở dang dài hạn tăng 35 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 558% do tại thời điểm 31/2/2022 có một số khoản chi phí XDCB dở dang chưa quyết toán.

Tài sản ngắn hạn giảm 379,8 tỷ đồng, trong đó, tiền và tương đương tiền giảm 52,6 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 155,1 tỷ đồng, trong khi các khoản phải thu tăng 548,3 tỷ đồng.

+ Tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn/Tổng tài sản, nhận xét, đánh giá mức độ hợp lý của việc phân bổ và xu hướng biến động: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản là 40,7%, Tài sản dài hạn là 59,3%. Xu hướng, tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản ngày càng tăng lên do giá trị tài sản dài hạn ngày càng giảm xuống do khấu hao.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Công ty, điện năng bán trực tiếp cho Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc thu hồi công nợ tiền điện tuân thủ quy định của hợp đồng mua bán điện.

b) Tình hình nợ phải trả

- Công nợ phải trả của công ty bao gồm: phải trả nhà cung cấp nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, phải trả gốc vay ngắn và dài hạn, phải trả người lao động, chi phí phải trả về lãi vay và các khoản phải trả khác.

- Các khoản phải trả vốn vay của Công ty chủ yếu là các khoản vay USD và JPY, Công ty vay lại Tập đoàn điện lực Việt Nam khoản vay USD Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (China Eximbank) và khoản vay JPY Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Jbic) nên Công ty sẽ phải chịu rủi ro của biến động tỷ giá hối đoái. Tính đến 31/12/2022 Công ty đã trả nợ hết khoản vay USD, JPY của DA Hải Phòng 1 và khoản

vay JPY của DA Hải Phòng 2. Trong năm 2022, tỷ giá đồng USD tăng so với đầu kỳ, do đó Công ty lỗ về CLTG là 61 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2022, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, đảm bảo sản xuất phải bù đắp các chi phí; cổ tức dự kiến 8%.

- Nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị trên cơ sở thực hiện tốt các chương trình sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các tổ máy đúng hạn.

- Xây dựng hoàn thiện các định mức tiêu hao, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Bồi huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, vận hành và sửa chữa.

- Thực hiện chuyển đổi số ưu tiên tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, nâng cao chất lượng bảo dưỡng thiết bị.

- Đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

- Phát triển bền vững thân thiện môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần CBCNV.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2022 như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đạt yêu cầu, đóng góp cao vào ngân sách địa phương, có lãi và chia cổ tức ở mức cao cho các cổ đông.

- Các mặt quản lý được nâng cao, có chất lượng, công tác an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, BVMT, PCCC, PCTT-TKCN đã được quan tâm, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

- Đời sống văn hoá, tinh thần của CBCNV được quan tâm và nâng cao; Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội được địa phương đánh giá cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo, điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được cổ đông giao, bám sát chỉ đạo của HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc báo cáo kịp thời HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Ban Tổng Giám đốc đã phân công phụ trách cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành đảm bảo thực hiện một số vấn đề trọng tâm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đạt và tốt hơn định mức kế hoạch được giao; đảm bảo sản xuất phải an toàn; giữ gìn vệ sinh - môi trường.
- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường; đảm bảo mục tiêu sản xuất có lãi.
- Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững. Thực hiện nghiêm túc chủ đề năm “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các qui chế, qui định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác quản lý.
- Triển khai mạnh mẽ đề án chuyển đổi số, trong năm 2022 đưa vào áp dụng một số lĩnh vực được xác định ưu tiên.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần người lao động; Tham gia đầy đủ công tác an sinh xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| - Ông Tạ Công Hoan | - Chủ tịch HĐQT . |
| - Ông Dương Sơn Bá | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Minh Tuấn | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Nguyễn Xuân Đặng | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Chu Thế Hoàng | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Nghiêm Xuân Chiến | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Lê Văn Chính | - Thành viên HĐQT. |

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Tạ Công Hoan	10.000	
2	Ông Dương Sơn Bá	0	
3	Ông Lê Minh Tuấn	0	

Stt	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
4	Ông Nguyễn Xuân Đăng		
5	Ông Chu Thế Hoàng	0	Phó Trưởng Ban quản lý rủi ro - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
6	Ông Nghiêm Xuân Chiến	0	P.Tổng Giám đốc - Tổng Công ty điện lực Vinacomin
7	Ông Lê Văn Chính	0	Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

a) Các ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các ban.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổ chức 01 lần Đại hội Cổ đông thường niên ngày 24/6/2022.

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty kịp thời, hiệu quả. Cụ thể: Tổ chức họp định kỳ hàng quý (04 cuộc họp); 01 cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT; 01 cuộc họp miễn nhiệm chức danh Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư; 01 cuộc họp thông qua các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2022; Thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản (140 lần) thông qua và quyết định các tờ trình, báo cáo của Tổng Giám đốc để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức cán bộ... kịp thời, hiệu quả.

Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Công ty gửi các thành viên HĐQT định kỳ theo tháng, quý, năm.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 05 thành viên độc lập không điều hành, trong đó: 02 thành viên HĐQT là ông Lê Minh Tuấn và Nguyễn Xuân Đăng hoạt động chuyên trách tại Công ty; 03 thành viên HĐQT hiện đang hoạt động tại các đơn vị đầu tư, sản xuất kinh doanh điện là các ông ông Lê Văn Chính (Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại), ông Nghiêm Xuân Chiến (Tổng Công ty điện lực Vinacomin); Thành viên còn lại là ông Chu Thế Hoàng (Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) là thành viên có kiến thức trong lĩnh vực đầu tư tài chính; Những thành viên HĐQT với những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý điều hành đã có nhiều đóng góp, chỉ đạo hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa học về Quản trị Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Bà Phạm Thị Dung - Trưởng Ban kiểm soát	16.005	
2.	Bà Lê Thị Thủy - Thành viên	0	Phó Ban Tài chính, Tổng Công ty Điện lực Vinacomin
3.	Ông Trương Văn Thời - Thành viên	0	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính - Tổng Công ty Phát điện 2
4.	Ông Vũ Quang Huy - Thành viên	0	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính - Tổng Công ty Phát điện 2
5.	Ông Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên	0	Chuyên viên Ban đầu tư 2, Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 - Điều Lệ Công ty:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2022 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD của Công ty năm 2022:

TT	Nội dung	Số người bình quân	Số tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/năm	Tổng số (đồng)
	Tổng tiền lương Thù lao HĐQT, BKS					3.299.074.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	12	51.497.000	617.964.000	617.964.000
2	Tổng Giám đốc	1	12	49.590.000	595.080.000	595.080.000

3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1,52	12	43.868.000	526.127.631	799.714.000
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	5	12	8.774.000	315.864.000	315.864.000
5	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	12	45.775.000	549.300.000	549.300.000
6	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	4	12	8.774.000	421.152.000	421.152.000

b) Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: do Thư ký Công ty cung cấp. Công tác quản trị của Công ty đã thực hiện theo các quy định của pháp luật, của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem phụ lục ý kiến kèm theo.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem phụ lục báo cáo kèm theo./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- <http://www.ndhp.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT, HCLĐ, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Sơn Bá



KPMG'S COPY

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0203000279

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200493225 ngày 1 tháng 7 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Công Hoan	Chủ tịch
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Sơn Bá	Thành viên
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đặng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nghiêm Xuân Chiến	Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Lê Ngọc Nam	Thành viên (đến ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thùy	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trương Văn Thời	Thành viên
Ông Vũ Quang Huy	Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Ngọc Bảo Yến	Thành viên (đến ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 1 năm 2022)

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Thôn Đoan, Xã Tam Hưng
Huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 9 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00342-23-1



Trần Thị Lê Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.346.174.017.071	2.966.326.810.252
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	515.644.569.245	568.241.225.180
Tiền	111		15.644.569.245	18.241.225.180
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	550.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	100.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.314.441.837.472	1.766.118.562.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.301.291.617.588	1.700.113.068.826
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.287.224.579	51.020.847.909
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.862.995.305	14.984.645.379
Hàng tồn kho	140	10	404.973.500.584	560.067.490.089
Hàng tồn kho	141		404.973.500.584	560.067.490.089
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.114.109.770	1.899.532.869
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.200.567.967	627.534.754
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.271.998.115
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17(b)	913.541.803	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.874.618.662.247	5.735.597.021.145
Tài sản cố định	220		4.615.202.383.976	5.528.207.510.138
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.605.012.397.095	5.526.451.187.474
Nguyên giá	222		22.144.785.043.256	22.125.917.998.980
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.539.772.646.161)	(16.599.466.811.506)
Tài sản cố định vô hình	227	12	10.189.986.881	1.756.322.664
Nguyên giá	228		14.723.047.322	4.542.963.724
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.533.060.441)	(2.786.641.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		41.295.392.750	6.269.692.382
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	41.295.392.750	6.269.692.382
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		217.620.885.521	200.619.818.625
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	145.126.309.993	126.029.698.235
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		72.494.575.528	74.590.120.390
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.220.792.679.318	8.701.923.831.397

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.903.239.627.025	2.475.731.954.180
Nợ ngắn hạn	310		1.501.073.456.990	1.327.979.436.070
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	556.076.858.911	340.474.143.698
Người mua trả tiền trước	312		45.995.251	45.995.251
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	28.974.038.950	13.449.427.575
Phải trả người lao động	314		82.264.931.939	31.448.652.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	21.146.772.789	28.026.395.207
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.541.409.557	68.988.649.433
Vay ngắn hạn	320	20(a)	784.934.691.416	820.129.317.939
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	24.088.758.177	25.416.854.067
Nợ dài hạn	330		402.166.170.035	1.147.752.518.110
Vay dài hạn	338	20(b)	392.467.346.183	1.137.212.587.517
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		9.698.823.852	10.539.930.593
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.317.553.052.293	6.226.191.877.217
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.317.553.052.293	6.226.191.877.217
Vốn cổ phần	411	23	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.549.131.827	3.813.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	557.558.074.954	570.293.306.781
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		546.793.075.362	455.431.900.286
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		546.793.075.362	455.431.900.286
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.220.792.679.318	8.701.923.831.397

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Phùng Đức Tuyên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Quốc Toàn
 Kế toán trưởng


 Dương Sơn Bá
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	10.511.191.220.155	9.026.539.894.518
Giá vốn hàng bán	11	28	9.697.213.317.647	8.370.242.756.970
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		813.977.902.508	656.297.137.548
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	23.615.450.251	75.102.867.041
Chi phí tài chính	22	30	170.559.686.845	153.110.280.727
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		101.139.201.716	153.110.280.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	117.479.828.111	97.778.383.618
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		549.553.837.803	480.511.340.244
Thu nhập khác	31	32	31.784.529.582	4.972.709.592
Chi phí khác	32		5.735.275.850	5.826.097.892
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		26.049.253.732	(853.388.300)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		575.603.091.535	479.657.951.944
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	28.810.016.173	24.226.051.658
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		546.793.075.362	455.431.900.286
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	35	1.094	800

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		575.603.091.535	479.657.951.944
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		940.695.360.387	1.299.686.357.023
Các khoản dự phòng	03		-	(544.322.778)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		40.192.028.361	(31.826.742.575)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.366.566.220)	(21.529.559.958)
Chi phí lãi vay	06		101.139.201.716	153.110.280.727
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.642.263.115.779	1.878.553.964.383
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(1.555.380.061.022)	(1.204.868.680.130)
Biến động hàng tồn kho	10		157.189.534.367	174.526.175.683
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		293.908.013.176	(221.411.421.979)
Biến động chi phí trả trước	12		(28.669.644.971)	10.339.530.334
			509.310.957.329	637.139.568.291
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.696.282.377)	(19.309.691.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.231.184.381)	(29.485.169.524)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		143.380.000	102.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.661.656.593)	(89.982.902.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		413.865.213.978	498.463.804.989
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(51.207.323.748)	(28.814.482.580)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		217.000.000	-
Tiền chi thuần cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(30.000.000.000)	(70.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.061.949.785	24.435.532.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.928.373.963)	(74.378.950.019)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(184.267.259.508)
Tiền chi trả cổ tức	36		(400.530.917.671)	(1.148.118.143.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(400.530.917.671)	(1.332.385.403.452)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(52.594.077.656)	(908.300.548.482)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		568.241.225.180	1.476.544.957.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(2.578.279)	(3.183.790)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	515.644.569.245	568.241.225.180

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Phùng Đức Tuyên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Quốc Toàn
 Kế toán trưởng


 Dương Sơn Bá
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 5 tháng 10 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là HND.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 850 nhân viên (1/1/2022: 848 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo hướng dẫn tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm
▪ tài sản khác	10 năm

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số máy móc và thiết bị từ 10 năm lên 15 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng ước tính này đối với chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao 239.961.463.154 VND.

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(ii) Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm phần mềm tổng đài thông tin nội bộ nhà máy, phần mềm kết nối và truyền dẫn cơ sở dữ liệu, được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Nguyên giá xây dựng cơ bản dở dang được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN mà theo đó chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Công ty có nghĩa vụ phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, đã không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	162.229.637	117.015.458
Tiền gửi ngân hàng	15.482.339.608	18.124.209.722
Các khoản tương đương tiền	500.000.000.000	550.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	515.644.569.245	568.241.225.180

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 4,6% (1/1/2022: 3% đến 3,7%).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	100.000.000.000	70.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm là 4,2% đến 5,8% (1/1/2022: 3,7%).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	2.297.731.495.095	1.697.338.224.897
<i>Các bên thứ ba</i>		
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng (ii)	2.167.561.640	2.079.945.205
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Ngọc	175.167.165	153.674.500
Công ty TNHH My Sơn	497.915.602	180.768.500
Công ty TNHH Global Link Thăng Long	309.526.766	134.642.000
Các khách hàng khác	409.951.320	225.813.724
	2.301.291.617.588	1.700.113.068.826

- (i) Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời gian thu hồi là 23 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (ii) Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka	-	41.558.000.000
Các nhà cung cấp khác	4.287.224.579	9.462.847.909
	4.287.224.579	51.020.847.909

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	4.277.524.915	10.604.244.123
Các khoản phải thu khác	4.585.470.390	4.380.401.256
	8.862.995.305	14.984.645.379

10. Hàng tồn kho

	31/12/2022 Giá gốc VND	1/1/2022 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	386.803.398.564	538.196.220.121
Công cụ và dụng cụ	18.170.102.020	21.871.269.968
	404.973.500.584	560.067.490.089

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.382.187.003.628	10.958.266.680.727	228.332.433.298	555.812.488.579	1.319.392.748	22.125.917.998.980
Tăng trong năm	208.365.556	9.158.387.158	7.081.071.907	1.098.247.619	-	17.546.072.240
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.208.053.426	-	-	-	2.208.053.426
Phân loại lại	12.930.000.000	(12.930.000.000)	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	(887.081.390)	-	(887.081.390)
Số dư cuối năm	10.395.325.369.184	10.956.703.121.311	235.413.505.205	556.023.654.808	1.319.392.748	22.144.785.043.256
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.858.444.947.857	9.091.562.579.162	221.744.624.924	426.635.408.611	1.079.250.952	16.599.466.811.506
Khấu hao trong năm	457.178.672.064	465.097.488.892	4.158.781.531	14.731.771.942	26.201.616	941.192.916.045
Thanh lý	-	-	-	(887.081.390)	-	(887.081.390)
Số dư cuối năm	7.315.623.619.921	9.556.660.068.054	225.903.406.455	440.480.099.163	1.105.452.568	17.539.772.646.161
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.523.742.055.771	1.866.704.101.565	6.587.808.374	129.177.079.968	240.141.796	5.526.451.187.474
Số dư cuối năm	3.079.701.749.263	1.400.043.053.257	9.510.098.750	115.543.555.645	213.940.180	4.605.012.397.095

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 6.851.183 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 6.131.502 triệu VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 20(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của các khoản vay lại từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.004.856.847	1.538.106.877	4.542.963.724
Tăng trong năm	9.498.083.598	682.000.000	10.180.083.598
Số dư cuối năm	12.502.940.445	2.220.106.877	14.723.047.322
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.850.942.822	935.698.238	2.786.641.060
Khấu hao trong năm	1.603.263.565	143.155.816	1.746.419.381
Số dư cuối năm	3.454.206.387	1.078.854.054	4.533.060.441
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.153.914.025	602.408.639	1.756.322.664
Số dư cuối năm	9.048.734.058	1.141.252.823	10.189.986.881

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 1.665 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 1.506 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	6.269.692.382	12.187.285.179
Tăng trong năm	360.408.812.073	218.483.071.384
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>23.923.874.030</i>	<i>10.192.557.072</i>
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>336.484.938.043</i>	<i>208.290.514.312</i>
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.208.053.426)	(16.110.149.869)
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(323.175.058.279)	(208.290.514.312)
Số dư cuối năm	41.295.392.750	6.269.692.382

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công trình sửa chữa lớn tuyến đường ống nước, tuyến cáp quang và tuyến cáp ngầm chưa hoàn thành	13.309.879.764	-
Nâng cấp hệ thống quan trắc tự động	12.008.568.259	-
Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải	5.625.091.910	5.625.091.910
Nâng cấp hệ thống AGC	4.574.272.727	-
Nâng cấp hệ thống SCADA	4.384.000.000	-
Các công trình khác	1.393.580.090	644.600.472
	41.295.392.750	6.269.692.382

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	31/12/2022		1/1/2022		Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu và % quyền biểu quyết		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
		Giá gốc VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết								
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	50.000	500.000.000	0,42%	500.000.000	0,42%	-	(*)	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND
Số dư đầu năm	126.029.698.235
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021 (i)	24.366.381.022
Phân bổ trong năm	(5.269.769.264)
	<hr/>
Số dư cuối năm	145.126.309.993
	<hr/>

- (i) Trong năm 2022, Công ty đã phân bổ lại chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo thời gian sử dụng đất theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021.

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	2.083.039.552
<i>Các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	999.804.500	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	-	1.386.000.099
<i>Các bên thứ ba</i>		
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	259.739.760.541	251.283.338.809
Tổng Công ty Đông Bắc	210.776.964.468	30.116.759.320
Viện nghiên cứu Cơ khí	11.383.784.864	2.323.426.017
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	1.922.380.939	2.288.107.888
Công ty TNHH MTV Đo lường - Thí nghiệm điện Miền Bắc	1.065.942.986	-
Công ty Cổ phần Việt Long	-	3.311.133.392
Công ty Cổ phần Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	-	1.376.237.126
Các nhà cung cấp khác	70.188.220.613	46.306.101.495
	<hr/>	<hr/>
	556.076.858.911	340.474.143.698
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/cán trừ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	173.893.931.277	(151.681.304.701)	-	22.212.626.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.507.626.405	28.810.016.173	(34.231.184.381)	913.541.803	-
Thuế thu nhập cá nhân	177.934.890	6.094.173.115	(5.461.493.471)	-	810.614.534
Thuế tài nguyên	8.763.866.280	95.941.272.960	(98.754.341.400)	-	5.950.797.840
Các loại thuế, phí khác	-	14.236.397.655	(14.236.397.655)	-	-
	13.449.427.575	318.975.791.180	(304.364.721.608)	913.541.803	28.974.038.950

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	913.541.803	913.541.803

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	14.095.137.569	22.742.490.965
Chi phí khác	7.051.635.220	5.283.904.242
	21.146.772.789	28.026.395.207

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	1.170.122.432	1.701.040.103
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	-	65.418.876.676
Kinh phí công đoàn	163.695.962	160.012.242
Bảo hiểm xã hội	866.131.363	826.241.627
Các khoản phải trả khác	1.341.459.800	882.478.785
	3.541.409.557	68.988.649.433

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

20. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	Vay dài hạn đến hạn trả VND
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1/2022	820.129.317.939
Biến động trong năm:	
Tăng:	
- Chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	758.141.724.706
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	26.792.966.710
Giảm:	
Thanh toán các khoản nợ gốc vay	(840.891.890.676)
Chênh lệch tỷ giá do thanh toán	20.762.572.737
	784.934.691.416
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 31/12/2022	784.934.691.416

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn	1.177.402.037.599	1.957.341.905.456
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(784.934.691.416)	(820.129.317.939)
	392.467.346.183	1.137.212.587.517

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mẹ cấp cao nhất</i>	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (i)	USD	2024	6,07%	1.177.402.037.599	1.895.354.312.223
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (ii)	JPY	2022	4,41%	-	61.987.593.233
				<u>1.177.402.037.599</u>	<u>1.957.341.905.456</u>

- (i) Khoản vay ngoại tệ (USD) là khoản nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay này chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 4 năm 2015.
- (ii) Khoản vay ngoại tệ (JPY) là khoản nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay này chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm, phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Các khoản vay (i) và (ii) được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11).



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	25.416.854.067	25.804.819.660
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	55.431.900.286	90.764.416.000
Nhận từ Tổng Công ty Phát điện 2, công ty mẹ	143.380.000	102.000.000
Nhận từ nguồn quỹ khác	1.002.255.456	341.564.437
Sử dụng trong năm	(55.661.656.593)	(89.982.902.135)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(2.243.975.039)	(1.613.043.895)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	24.088.758.177	25.416.854.067

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.033.280.000	130.560.492.706	1.618.777.850.075	6.949.024.392.931
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	455.431.900.286	455.431.900.286
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	440.513.434.075	(440.513.434.075)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(90.764.416.000)	(90.764.416.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(1.087.500.000.000)	(1.087.500.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	780.620.000	(780.620.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.813.900.000	570.293.306.781	455.431.900.286	6.226.191.877.217
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	546.793.075.362	546.793.075.362
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(55.431.900.286)	(55.431.900.286)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn (Thuyết minh 25)	-	-	12.735.231.827	(12.735.231.827)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.000.000.000.000	196.652.770.150	16.549.131.827	557.558.074.954	546.793.075.362	6.317.553.052.293

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	255.000.000	2.550.000.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	129.850.000	1.298.500.000.000	25,97%
Các cổ đông khác	115.150.000	1.151.500.000.000	23,03%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đều được thành lập tại Việt Nam.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 400 tỷ VND (tương đương 800 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: phân phối khoản cổ tức 1.212.500 triệu VND (tương đương 2.425 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 125.000 triệu VND (tương đương 250 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	570.293.306.781	130.560.492.706
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	-	440.513.434.075
Điều chỉnh nguồn vốn sang vốn khác của chủ sở hữu (Thuyết minh 22)	(12.735.231.827)	(780.620.000)
Số dư cuối năm	<u>557.558.074.954</u>	<u>570.293.306.781</u>

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê**

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê 50 năm ký với Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	13.763.043.899	13.763.043.899
Từ hai đến năm năm	55.052.175.596	55.052.175.596
Sau năm năm	284.388.357.898	298.342.555.185
	<u>353.203.577.393</u>	<u>367.157.774.680</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59	1.400.782	59	1.352.968
JPY	129.876	23.772.503	129.876	26.398.596
		<u>25.173.285</u>		<u>27.751.564</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thị trấn Minh Đức	2021	544.322.778	544.322.778

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	1.428.128.030.805	1.428.128.030.805

(*) Các khoản cam kết chi tiêu vốn của Công ty chủ yếu đến từ dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	10.500.465.175.314	9.020.286.757.147
▪ Doanh thu bán tro xỉ và phế liệu	10.726.044.841	6.253.137.371
	10.511.191.220.155	9.026.539.894.518

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Giá vốn hàng bán**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	7.976.216.692.841	6.473.782.763.785
Chi phí khấu hao và phân bổ	935.273.743.349	1.289.719.359.955
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	323.175.058.279	208.290.514.312
Chi phí nhân công	233.921.379.494	171.909.824.886
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	54.471.061.681	52.310.566.400
Chi phí thuế, phí và lệ phí	104.911.980.960	103.304.513.280
Chi phí khác	69.243.401.043	70.925.214.352
	<hr/> 9.697.213.317.647	<hr/> 8.370.242.756.970 <hr/>

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	15.102.066.220	21.469.559.958
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	31.826.742.575
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	8.465.884.031	21.746.564.508
Thu nhập cổ tức	47.500.000	60.000.000
	<hr/> 23.615.450.251	<hr/> 75.102.867.041 <hr/>

30. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	101.139.201.716	153.110.280.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	40.192.028.361	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	29.228.456.768	-
	<hr/> 170.559.686.845	<hr/> 153.110.280.727 <hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí đào tạo	4.806.586.974	4.108.222.322
Chi phí thuế, phí và lệ phí	24.870.762.543	30.400.449.646
Chi phí nhân viên	37.629.591.541	26.168.501.909
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.397.706.753	6.963.262.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.382.685.400	7.581.850.132
Chi phí khác	31.392.494.900	22.556.097.147
	<hr/>	<hr/>
	117.479.828.111	97.778.383.618
	<hr/>	<hr/>

32. Thu nhập khác

	2022	2021
	VND	VND
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021	27.719.036.100	-
- Phân bổ lại chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (Thuyết minh 15)	24.366.381.022	-
- Điều chỉnh khấu hao tài sản cố định	3.010.976.664	-
- Điều chỉnh tăng giá trị hàng tồn kho	341.678.414	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	217.000.000	-
Thu nhập khác	3.848.493.482	4.972.709.592
	<hr/>	<hr/>
	31.784.529.582	4.972.709.592
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.980.004.427.894	6.475.517.363.294
Chi phí khấu hao và phân bổ	940.671.450.102	1.296.682.622.417
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	323.175.058.279	208.290.514.312
Chi phí nhân công và nhân viên	271.550.971.035	198.078.326.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.075.822.081	59.892.416.532
Chi phí thuế, phí và lệ phí	129.782.743.503	133.704.962.926
Chi phí khác	101.432.672.864	95.854.934.312
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	27.403.380.188	24.227.285.007
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.406.635.985	(1.233.349)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.810.016.173	24.226.051.658
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	575.603.091.535	479.657.951.944
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất ưu đãi của Công ty (10%)	57.560.309.153	47.965.795.194
Chi phí không được khấu trừ thuế	57.712.798	52.408.837
Biến động của chênh lệch tạm thời	(2.813.271.971)	436.365.983
Ưu đãi thuế	(27.401.369.792)	(24.227.285.007)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.406.635.985	(1.233.349)
	<hr/>	<hr/>
	28.810.016.173	24.226.051.658
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ khi Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (từ năm 2011 đến năm 2025) và mức thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 (điều chỉnh lại) VND	2021 (theo báo cáo trước đây) VND
Lợi nhuận thuần trong năm	546.793.075.362	455.431.900.286	455.431.900.286
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(55.431.900.286)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	546.793.075.362	400.000.000.000	455.431.900.286

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại sau khi Công ty nhận được số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 được phê duyệt.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 Cổ phiếu	2021 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	500.000.000	500.000.000



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2022 VND/cổ phiếu	2021 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2021 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.094	800	911

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	903.412.585.676	1.256.020.371.761
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	104.090.272.735	155.256.141.877
Chi phí lãi vay và phí vay lại của các khoản vay	105.239.417.639	163.512.133.131
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	4.547.137.473	7.780.348.921
Chi phí thuế nhà thầu lãi vay	5.347.774.686	8.302.037.090
Mua điện	23.777.208.470	24.921.127.589
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)		
Chia cổ tức	204.000.000.000	554.625.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Chia cổ tức	103.880.000.000	282.423.750.000
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	10.500.465.175.314	9.020.286.757.147
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin		
Mua dịch vụ công nghệ thông tin	423.064.290	367.858.166

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Mua dịch vụ	-	1.400.050.605
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		
Mua dịch vụ	2.610.302.635	651.203.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Chia cổ tức	8.000.000.000	21.750.000.000
Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc		
Chi phí dịch vụ	22.840.000	-
Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Tạ Công Hoan	585.335.000	586.500.000
Ông Lê Văn Chính	72.000.000	94.575.000
Ông Lê Minh Tuấn	501.480.500	454.533.000
Ông Lê Ngọc Nam	34.620.000	110.700.000
Ông Nguyễn Xuân Đăng (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)	258.475.818	-
Ông Nghiêm Xuân Chiến (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)	37.380.000	-
Ông Dương Sơn Bá (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	72.000.000	117.000.000
Ông Chu Thế Hoàng (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	72.000.000	49.500.000
Ông Ngô Minh Quân (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	-	45.075.000
Ông Nguyễn Đức Luyện (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	-	61.200.000
Ông Nguyễn Thường Quang (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	-	82.800.000
Ông Nguyễn Trâm (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	-	16.125.000
Ông Nguyễn Văn Quyên (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	-	16.125.000
Ông Nguyễn Minh Thành (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)	-	35.475.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Tổng Giám đốc		
Ông Dương Sơn Bá (là Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)	565.535.000	428.154.000
Ông Nguyễn Thường Quang (là Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	-	259.380.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.334.212.700	850.213.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	758.477.364	616.097.000

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	903.412.585.676	1.256.020.371.761
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	104.090.272.735	155.256.141.877
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	1.158.037.210	715.331.090

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc